

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải

Bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện H, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã T2, huyện H, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2025, các lời khai, trình bày có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị L và anh Hoàng Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/9/2006. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau. Từ tháng 3/2023, vợ chồng đã sống ly thân. Tháng 6/2023, chị L đã làm đơn xin ly hôn anh B nhưng được Tòa án hòa giải nên đã rút đơn về đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Hoàng Văn O, sinh ngày 23/02/2013. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Văn O và giao cháu Hoàng Văn D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn B trình bày: Anh B và chị Lê Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, chưa từng va chạm, cãi vã gì nhưng không hiểu vì lý do gì mà từ khoảng tháng 4/2024, sau khi đi làm về chị L đã xếp quần áo, bỏ về mẹ đẻ ở, không nói năng gì với anh B. Từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh B, anh B xét thấy do con cái đã lớn nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ cho các cháu có anh, có em.

Về con: Vợ chồng 02 con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Hoàng Văn O, sinh ngày 23/02/2013. Nếu phải ly hôn, anh B đồng ý giao cháu Hoàng Văn O cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh B xin được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Văn D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 26/4/2025, cháu Hoàng Văn D xin ở với bố, cháu Hoàng Văn O xin ở với mẹ.

Kết quả xác minh ngày 26/4/2025 tại UBND xã Hoàng Thái, chị L và anh B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Thái ngày 05/9/2006. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn 5, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa và có 02 con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Hoàng Văn O, sinh ngày 23/02/2013. Giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn gì không và nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm bắt được. Theo thông tin từ bà Nguyễn Thị T – mẹ đẻ anh B xác nhận: Từ khoảng tháng 4/2024, chị L đã tự ý bỏ về mẹ đẻ ở xã T để sinh sống cho đến nay cùng với cháu Hoàng Văn O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn B. Về con: Đề nghị giao cháu Hoàng Văn D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn O cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh B và chị L không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và công nợ: Chị L và anh B không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn B và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung; bị đơn - anh B có địa chỉ tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa ngày 26/5/2025, bị đơn – anh Hoàng Văn B vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa, ấn định thời gian xét xử lại vụ án và tổng đạt ngay Quyết định hoãn phiên tòa tới anh B. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh B vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mỗi người đưa ra là khác nhau nhưng thực tế chị L đã từng làm đơn xin ly hôn anh B, sau đó rút đơn về hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và hiện tại anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh B.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Hoàng Văn O, sinh ngày 23/02/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Dương sống cùng anh B, cháu Oai sống cùng chị L. Cả chị L và anh B đều thống nhất anh B trực tiếp nuôi cháu Dương, chị L trực tiếp nuôi cháu Oai. Sự thống nhất của anh chị về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương và cháu Oai nên cần chấp nhận. Do chị L và anh B mỗi người nuôi một con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị L, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị L phải chịu phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, **Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn B.

2. *Về con chung*: Công nhận cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 19/6/2007 và cháu Hoàng Văn O, sinh ngày 23/02/2013 là con chung của chị Lê Thị L và anh Hoàng Văn B. Giao cháu Hoàng Văn D cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Văn O cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000380 ngày 14/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân